TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2026/HS-ST Ngày: 18/3/2026	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Chu Thị Thoảng
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Vương Thị Thu Lan
Bà Hà Thị Minh Quế

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Minh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai: Bà Phạm Thị Bích Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2026/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 3 năm 2026 đối với bị cáo:

Lương Thị N sinh ngày 04 tháng 9 năm 1987. Tại tỉnh Lào Cai. Số CCCD: 015187011287; ngày cấp 18/5/2022; nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Phù Lá; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị X (đã chết); có chồng là Hoàng Văn C và 02 người con (lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2018); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam ngày 05/01/2026. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 2, Công an tỉnh L - Có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:* Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Quang Đ – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai.

- *Người được uỷ quyền:* Bà Đinh Thị Hồng L1, sinh năm 1980 – Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai. Nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Lào Cai (Giấy ủy quyền ngày 09/01/2026) – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lương Cao N1 sinh năm 1973. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai - có mặt.

Anh Hoàng Văn C sinh năm 1983. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai – có mặt.

Anh Hoàng Văn Đ1 sinh năm 1986. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai – có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2021 do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp Lương Thị N không đi làm thuê được nên đã nảy sinh ý định đi phát phá rừng ở khu vực đồi A tại khoảnh 10 tiểu khu H thuộc thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai để trồng quế (khu vực đất rừng do ông Lương Văn L sinh năm 1958 trú cùng thôn khai phá, canh tác từ năm 1998 đến năm 2008 thì không canh tác nữa). Lương Thị N đến nhà em trai chồng là Hoàng Văn Đ1 trú cùng thôn để nhờ Đ1 đi phát đổi công hộ 02 ngày, Đ1 đồng ý. Sáng hôm sau N cùng Đ1 mang theo cơm nắm, nước uống, dao tay đi lên khu vực đồi A dùng dao phát, phá, chặt hạ các cây vầu, bụi nứa, bụi chít đến trưa nghỉ ăn cơm trên nương sau đó chiều tiếp tục phát phá đến khoảng 17 giờ thì đi về nhà. Động phát đổi công cho N một ngày sau đó do bận việc nên không phát nữa, còn N tiếp tục một mình phát, phá trong vòng khoảng 06 ngày. Đến tháng 3 năm 2021 anh Hoàng Văn C (chồng của N) đi làm ăn xa về, N bảo anh C đi cùng lên diện tích rừng mà N đã phát, phá trước đó rồi cả hai dùng dao tay chặt ngắn và gom các cây vầu, cây nứa, cây chít, cỏ rác N đã phát phá thành nhiều đống để đốt. Sau đó N đi tỉnh Bình Dương làm công nhân còn Cả ở nhà một mình trồng 2000 cây quế trên diện tích mà N đã phát, phá.

Quá trình điều tra Hoàng Văn C đã giao nộp 01 con dao tay dài 42cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 25cm, chuôi bằng gỗ dài là 16,8cm; 01 con dao tay dài 47cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 26,5cm, chuôi bằng gỗ dài 20,5cm mà Lương Thị N và Hoàng Văn C dùng để đốt dọn lâm sản.

Kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 23/8/2021 xác định diện tích rừng mà Lương Thị N và Hoàng Văn C đã đốt dọn thuộc lô 4, khoảnh 10, tiểu khu H rừng tự nhiên sản xuất là 10.822m^2, lâm sản bị thiệt hại là 4.545 cây vầu có đường kính gốc trung bình 5,5 cm.

Cơ quan điều tra đã tiến hành trưng cầu định giá tài sản đối với lâm sản bị thiệt hại. Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 36/KL-HĐĐGTS ngày 21/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện V, kết luận: Tổng giá trị thiệt hại của tài sản trưng cầu định giá tại thời điểm tháng 01/2021 là: 49.995.000 đồng *(Bốn mươi chín triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*.

Ngày 10/12/2025 Cơ quan điều tra đã phối hợp cùng Viện kiểm sát, Hạt kiểm lâm, Uỷ ban nhân dân xã, Tổ bảo vệ rừng và Hoàng Văn C, Lương Thi N2 xác định lại hiện trường. Cho Lương Thị N trực tiếp cầm máy GPS đi vòng quanh diện tích mà N đã dùng dao phát, phá. Kết quả đo được tổng diện tích N đã phát phá là 9.179,3m^2 rừng tự nhiên sản xuất, lâm sản bị thiệt hại là 3.885 cây vầu có đường kính gốc trung bình 5,5 cm. Tại Cơ quan điều tra, N đã xác nhận con dao tay dài 47cm, lưỡi dao bằng kim loại có chiều dài 26,5cm, chuôi dao làm bằng gỗ có chiều dài là 20,5cm mà Hoàng Văn C giao nộp chính là con dao mà N sử dụng để phát phá rừng.

Căn cứ Bản đồ kèm theo Quyết định số 578/QĐ-UBND ngày 22/5/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Y về việc phê duyệt dự án điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định 221/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Y về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch 3 loại rừng

tỉnh Yên Bái giai đoạn 2011-2020; Quyết định 441/QĐ-UBND ngày 31/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Y về việc điều chỉnh, bổ sung Quyết định 221/QĐ-UBND ngày 21/02/2023 thì toàn bộ diện tích rừng mà Lương Thị N phát, phá lô 4, khoảnh 10, tiểu khu H thuộc thôn T, xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (cũ) nằm trong quy hoạch rừng tự nhiên sản xuất, hiện do Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai trông coi, quản lý.

Tại bản cáo trạng số: 67/CT-VKS-KV3 ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã truy tố Lương Thị N về tội "Huỷ hoại rừng" theo điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lương Thị N phạm tội "Huỷ hoại rừng" và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Thị N từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 588, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo Lương Thị N phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai số tiền còn lại theo kết luận định giá là 37.405.000 đồng.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 con dao tay dài 47cm, lưỡi dao bằng kim loại có chiều dài 26,5cm, chuôi dao làm bằng gỗ có chiều dài là 20,5cm.

Trả lại cho anh Hoàng Văn C 01 con dao tay dài 42cm, lưỡi dao bằng kim loại có chiều dài 25cm, chuôi dao làm bằng gỗ có chiều dài là 16,8cm.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lương Thị N không tranh luận và tự bào chữa gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh L và Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai. Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình hỏi và tranh luận tại phiên tòa bị cáo đã khai phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng của vụ án đã thu giữ, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận: Để có đất để canh tác trồng cấy nên trong khoảng cuối tháng 01 năm 2021 bị cáo Lương Thị N đã đi lên khu rừng tự nhiên sản xuất tại lô D, khoảnh 10, tiểu khu H thuộc thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai do Ủy ban nhân dân xã C, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã C, tỉnh Lào Cai) quản lý hiện đang giao khoán cho Ban bảo vệ rừng cộng đồng thôn T trông coi, bảo vệ dùng dao phát, phá 06 ngày liên tục tổng diện tích 9.179,3m^2 gây thiệt hại về lâm sản 3.855 cây vầu tổng giá trị là 42.405.000 đồng (Bốn mươi hai triệu, bốn trăm linh năm nghìn đồng). Hành vi này của bị cáo đã phạm vào tội "Huỷ hoại rừng" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số: 67/CT-VKS-KV3 ngày 10/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai đã truy tố bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm các quy định về chính sách quản lý Nhà nước về rừng tự nhiên sản suất, gây ảnh hưởng đến môi trường sinh thái, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần phải đưa bị cáo ra xử lý bằng pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt và chưa có tiền án, tiền sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên toà hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường số tiền 5.000.000đồng cho nguyên đơn dân sự. Do vậy cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Để giảm hình phạt cho bị cáo thể hiện chính sách hình sự nhân đạo của Đảng và Nhà nước ta.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Xét thấy nên phải có một mức án phù hợp với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định: "*Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ bốn mươi triệu đồng đến hai trăm triệu đồng ...*". Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có tài sản, công ăn việc làm không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Đối với Hoàng Văn Đ1: Quá trình điều tra xác định giữa Đ1 và Lương Thị N không có sự bàn bạc thống nhất từ trước, Đ1 không biết diện tích N nhờ đi phát đổi công là rừng cấm phát phá, do vậy Động không phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng diện tích N đã phát phá. Hành vi phát phá khoảng 500m^2 rừng tự

nhiên sản xuất của Đ đã vi phạm điểm b khoản 2 Điều 20 Nghị định 35/2019/NĐ-CP ngày 25/4/2019 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lâm nghiệp. Tuy nhiên đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

[9] Đối với Hoàng Văn C: Tháng 03/2021 có hành vi cùng N dùng dao chặt ngắn và gom các cây vầu, cây nứa, cây chít, cỏ rác mà N đã phát phá trước đó để đốt dọn và trồng 2000 cây quế trên diện tích đã đốt dọn. Kết quả điều tra xác định giữa Hoàng Văn C và Lương Thị N không có sự bàn bạc, thống nhất từ trước, C không tham gia phát, phá nên không có căn cứ xác định Cả đồng phạm với N trong vụ án nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với Hoàng Văn C là phù hợp.

[10] Đối với diện tích 1.642,7m^2 còn lại (chênh lệch giữa kết quả khám nghiệm hiện trường ngày 23/8/2021 và ngày 10/12/2025). Đây là phần diện tích Hoàng Văn C khai cùng đốt dọn với Lương Thị N nhưng N không thừa nhận đã phát, phá và đốt dọn diện tích này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý đối với N về phần diện tích này. Phần diện tích này dưới mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên Cơ quan điều tra không tách vụ án mà ban hành Công văn gửi Hạt Kiểm lâm khu vực đề nghị xác minh, xử lý theo quy định.

[11] Đối với Ban quản lý rừng cộng đồng và cán bộ Hạt Kiểm lâm được giao phụ trách địa bàn trong việc quản lý, bảo vệ rừng đã để xảy ra việc rừng bị phát, phá là thiếu trách nhiệm. Do đó Cơ quan điều tra đã có Công văn đề nghị Ủy ban nhân dân xã C và Hạt Kiểm lâm khu vực Trấn Yên xem xét, làm rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong công tác bảo vệ rừng.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường được 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) cho nguyên đơn dân sự. Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền: 37.405.000 đồng (Ba mươi bẩy triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng). Yêu cầu của nguyên đơn dân sự có căn cứ do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận. Buộc bị cáo phải bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai số tiền còn lại là: 37.405.000 đồng (Ba mươi bẩy triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng).

[13] Về vật chứng của vụ án: Đối với các vật chứng bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần được xử lý như sau:

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao loại dao tay dài 47cm; lưỡi dao làm bằng kim loại có chiều dài 26,5cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 20,5cm.

Trả lại cho anh Hoàng Văn C: 01 con dao loại dao tay dài 42cm; lưỡi dao làm bằng kim loại có chiều dài 25cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 16,8cm

[14] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lương Thị N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[15] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[16] Bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Thị N phạm tội "Huỷ hoại rừng".

2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 243; điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Thị N 02 (hai) năm tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lương Thị N cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Gia đình bị cáo Lương Thị N có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp bị cáo Lương Thị N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ khoản 4 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự trả tự do ngay tại phiên toà cho bị cáo Lương Thị N nếu không bị tạm giam về một tội phạm khác.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lương Thị N phải tiếp tục bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai số tiền: 37.405.000 đồng (Ba mươi bảy triệu bốn trăm linh năm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai có đơn yêu cầu thi hành án, mà bị cáo Lương Thị N chưa thi hành xong khoản tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Buộc bị cáo Lương Thị N phải thu dọn toàn bộ 500 cây quế đã trồng trên diện tích đất 9.179,3m^2 tại khu rừng tự nhiên sản xuất tại lô D, khoảnh 10, tiểu khu H thuộc thôn T, xã C, tỉnh Lào Cai để trả lại đất cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Lào Cai quản lý.

4. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao loại dao tay dài 47cm; lưỡi dao làm bằng kim loại có chiều dài 26,5cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 20,5cm.

Trả lại cho anh Hoàng Văn C: 01 con dao loại dao tay dài 42cm; lưỡi dao làm bằng kim loại có chiều dài 25cm, chuôi dao làm bằng gỗ dài 16,8cm.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 12 tháng 3 năm 2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Lào Cai).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lương Thị N phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.870.250 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331; 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự vắng mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chu Thị Thoảng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai
- Công an tỉnh Lào Cai
- VKSND tỉnh Lào Cai
- VKSND khu vực 3
- Phòng THADS khu vực 3
- THA phạt tù
- Bị cáo
- UBND xã Châu Quế
- Nguyên đơn DS
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu HS - TQĐ